TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2018/DSST
Ngày: 02 – 02 – 2018
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 70/2017/TLST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXXST-DS ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1954 (có mặt)
Đại chỉ: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bị đơn: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1958 (có mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông **Trần Ngọc Nh**, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Đại chỉ: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1957 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Ông **Tạ Đình Th**, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Đại chỉ: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Chị **Trần Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 1, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.
Chị **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 12, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Trú tại: ấp C, xã Q, huyện C, tỉnh Bình Phước
Bà **Trần Thị Thanh Th**, sinh năm 1969 (vắng mặt)
Trú tại: ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Đoàn Thị Đ**, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp Long Bình, xã Tân Quan, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Chị **Vũ Thị Thu Th**, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Anh **Đỗ Văn R**, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Vũ Thị Ph**, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Mai Thị C**, sinh năm 1965
Trú tại: Tổ 4, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 4, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp L, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước
Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Bà **Lê Thị Kim D**, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 5, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Chị **Dương Thị Ch**, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước
Chị **Lê Thị Bích L**, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 1, ấp X, xã T, huyện Q, tỉnh Bình Phước
Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Trú tại: Tổ 2, ấp L, xã Q, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đối chất và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Trong khoản từ năm 2012 đến năm 2016 bà H có nợ của bà Ng số tiền 434.000.000đ. Trong đó bao gồm 202.000.000đ là tiền mặt bà H mượn, số còn lại bao gồm 36.000.000đ tiền lãi của số tiền 202.000.000đ từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2015; 38.000.000đ của 01 chân hụi bà H nhờ bà Ng chơi giùm và khi hốt thì bà

Ng đã giao cho bà H; 110.000.000đ tiền hụi bà Ng chơi giùm bà H 01 chân hụi ngày 17/01/2016, mỗi kỳ đóng 10.000.000đ (hụi chết), khi đó bà Ng chơi giùm bà H dây hụi này hốt được 92.000.000đ, sau khi hốt hụi về không giao số tiền này cho bà H mà bà Ng và bà H thống nhất trừ vào tiền mà bà H nợ bà Ng trước đó và số tiền 60.000.000đ tiền hụi của 02 dây hụi ngày 25/9/2013 bà H còn nợ 48.000.000đ. Tổng số nợ là 434.000.000đ, bà Ng và bà H có làm giấy vay tiền ngày 08/3/2017, tuy nhiên giấy vay tiền lại ghi nợ với số tiền 435.000.000đ là do khi làm giấy bà H còn nợ của bà Ng 1.5000.000đ tiền vay khác nên ghi làm tròn là 435.000.000đ.

Bà Ng thừa nhận bà H đã trả cho bà Ng số tiền 46.000.000đ vào tiền gốc nên chỉ còn nợ số tiền 388.000.000đ. Ngày 04/7/2017 bà Ng và bà H làm lại giấy vay tiền ghi với tổng số nợ còn lại là 389.000.000đ, giấy vay tiền ngày 04/7/2013 do bà H tự viết và ký tên.

Tại phiên tòa bà Ng trình bày do số tiền bà H nợ gồm nhiều khoản và thời gian lâu nên trình bày còn thiếu do đó yêu cầu Hội đồng xét xử công bố lại lời khai và bà Ng xác định những lời khai trước đây bà Ng khai là hoàn toàn đúng.

Vì vậy, nay bà Ng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản buộc bà H trả số tiền 388.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà Ng chỉ yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ đối với số nợ trên.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Ng cung cấp 01 bản chính giấy vay tiền ghi ngày 30/12/2016; 01 bản chính giấy vay tiền; 01 bản chính giấy có nội dung chốt nợ ngày 27/01/2016 không có chữ ký; 01 bản chính giấy có nội dung ghi nợ ngày 27/01/2016 không có chữ ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà H thừa nhận có nợ của bà Ng 190.000.000đ vay tiền mặt, trong đó vay 02 lần, lần 1 bao gồm tổng các lần vay nhiều lần trong năm 2012 sau đó tháng 8/2012 tính gộp lại thành số tiền là 180.000.000đ, lần 2 bà H vay của bà Ng số tiền 40.000.000đ vào khoảng cuối năm 2015 để đáo hạn Ngân hàng, sau đó bà H đã trả cho bà Ng số tiền 30.000.000đ nên còn nợ lại 10.000.000đ và bà H có cộng thêm 12.000.000đ tiền lãi của số tiền vay 40.000.000đ từ tháng 8/2015 đến tháng 3/2016, bà H đồng ý với số tiền lãi 12.000.000đ nên chấp nhận trả cho bà Ng số tiền 202.000.000đ đã vay.

Đối với tiền vay 180.000.000đ vay năm 2012 bà Ng yêu cầu lãi là 1.000.000đ tính lãi 3000đ/ngày, bà H đã đóng 15.000.000/tháng, bà H đã trả lãi đến hết năm 2014, đến đầu năm 2015 bà Ng giảm bớt là 1.000.000đ tính lãi là 2000đ/ngày, đóng lãi cho bà Ng được 6 tháng từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2015, mỗi tháng đóng 10.500.000đ. Khi đóng lãi thì cứ đến tháng thì bà H đóng cho bà Ng, không có làm giấy tờ nên không cung cấp được giấy tờ thể hiện việc đóng lãi này.

Đối với số tiền lãi 36.000.000đ bà Ng tính lãi của số tiền 202.000.000đ từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2015, số nợ này khi làm giấy vay tiền bà Ng có yêu cầu cộng vào số nợ chung và yêu cầu bà H trả thì bà H cũng đồng ý trả.

Số tiền 38.000.000đ của 01 chân hụi bà H có nhờ bà Ng chơi giùm, bà H thừa nhận có nợ chân hụi này nên thừa nhận có nợ bà Ng số tiền 38.000.000đ này và đồng ý trả cho bà Ng.

Số tiền 110.000.000đ bà Ng trình bày chơi giùm bà H 01 chân hụi ngày 17/01/2016, mỗi kỳ đóng 10.000.000đ (hụi chết) thì bà H không đồng ý vì thực tế bà H không có nhờ bà Ng chơi giùm bà H chân hụi này, khi bà Ng nói với bà H hốt giùm chân hụi này để bà H lấy tiền trả nợ cho bà Ng thì sau khi nghe bà Ng nói đóng hụi chết mỗi tháng 10.000.000đ thì bà H không thể đóng được nên bà H nói với bà Ng bà H không hốt nữa nên không có nợ số tiền này, do đó bà Ng yêu cầu bà H trả số tiền này thì bà H không đồng ý trả.

Đối với số tiền 48.000.000đ bà Ng trình bày bà H còn nợ của 04 chân hụi trong 02 dây hụi ngày 25/9/2013 thì không có, vì thời gian này bà H có tham gia chơi hụi với bà Ng nhưng bà H đóng hụi đầy đủ cho bà Ng chứ không có nợ nên bà Ng yêu cầu bà H trả số tiền này thì bà H không đồng ý trả.

Bà H xác định đến ngày 03/4/2017 bà H đã trả cho bà Ng số tiền 46.000.000đ trả vào tiền gốc. Giấy vay tiền ngày 04/7/2017 là bà H tự viết và ký tên.

Tại phiên tòa bà H chỉ đồng ý trả cho bà Ng số tiền 230.000.000đ .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị Mỹ P trình bày: Khi tham gia chơi hụi thì tôi có nghe mẹ tôi là bà Ng nói bà H có nợ tiền của mẹ tôi, nhưng không biết rõ là nợ số tiền gì và số tiền là bao nhiêu, rồi khi mà tôi ghi giấy nợ giùm mẹ tôi và bà H thì tôi mới biết số tiền bà H nợ mẹ tôi là 435.000.000đ ghi trong giấy ngày 30/12/2016. Tôi có ý kiến nếu có nợ thì đề nghị bà H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng.

Tại biên bản trình bày ý kiến ông Nguyễn Văn Th trình bày: Bà H là vợ ông Th, việc bà H mượn tiền và chơi hụi với bà Ng thì ông Th không có biết, ông Th không có liên quan nên không có trách nhiệm trả đối với số nợ bà Ng yêu cầu.

Tại bản tự khai ông Trần Ngọc Nh trình bày: Bà H có nợ của vợ ông Nh là bà Ng số tiền 395.000.000đ và giữa bà Ng và bà H có làm giấy vay tiền. Nay Tòa án đang giải quyết tranh chấp giữa vợ ông Nh là bà Ng và bà H thì ông Nh yêu cầu Tòa án chấp nhận buộc bà H phải trả cho bà Ng số tiền còn nợ.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Tạ Đình Th; Bà Đoàn Thị T; Bà Trần Thị Thanh Th; Bà Đoàn Thị Đ; Bà Nguyễn Thị

Th; Chị Vũ Thị Thu Th; anh Đỗ Văn R; Bà Vũ Thị Ph; Bà Mai Thị C; Bà Phạm Thị C; Anh Vũ Văn T; Bà Hà Thị ; Bà Lê Thị Kim D; Chị Dương Thị Ch; Trần Thị Ngọc H trình bày: đối với dây hụi mà có tham gia chơi với bà Ng là chủ hụi thì không có tranh chấp gì, hụi hiện nay đã mãn khóa đã đóng và nhận hụi đầy đủ không có tranh chấp, việc bà H đóng hụi cho bà Ng như thế nào thì không có biết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 11/2017/TB-TA ngày 24/11/2017 và tiến hành tống đạt cho cho đương sự nhưng không có xác nhận của của người nhận là vi phạm quy định tại Điều 175 BLTTDS năm 2015.

Tòa án nhận bản trình bày ý kiến, bản photo chứng minh nhân dân và đơn yêu cầu vắng mặt của ông Nguyễn Văn Th nhưng không lập biên bản giao nhận là vi phạm quy định tại Điều 96 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung vụ án: căn cứ theo quy định tại Điều 26 BLTTDS năm 2015, Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015, Điều 13, Điều 16, Điều 30, Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, Kiểm sát viên đề xuất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc buộc bà Lê Thị H trả số tiền 388.000.000đ còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện đối với bị đơn bà Lê Thị H trả số tiền nợ 388.000.000đ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tranh luận tại phiên tòa xác định vào ngày 30/12/2016 giữa bà Ng và bà H có ngồi chốt nợ và lập 01 giấy vay tiền với số tiền vay là 435.000.000đ. Theo như bà Ng trình bày thì số tiền này bao gồm vay tiền mặt và tiền nợ hụi. Trong đó bao gồm 202.000.000đ là tiền mặt bà H mượn, số còn lại bao gồm 36.000.000đ tiền lãi của số tiền 202.000.000đ từ tháng 7/2015 đến tháng 12/2015; 38.000.000đ của 01 chân hụi bà H nhờ bà Ng chơi giùm và khi hốt thì bà Ng đã giao cho bà H; 110.000.000đ tiền hụi bà Ng chơi giùm

bà H 01 chân hụi ngày 17/01/2016, mỗi kỳ đóng 10.000.000đ (hụi chết), khi đó bà Ng chơi giùm bà H dây hụi này hốt được 92.000.000đ, sau khi hốt hụi về không giao số tiền này cho bà H mà bà Ng và bà H thống nhất trừ vào tiền mà bà H nợ bà Ng trước đó và số tiền 60.000.000đ tiền hụi của 02 dây hụi ngày 25/9/2013 bà H còn nợ 48.000.000đ. Tổng số nợ là 434.000.000đ, tuy nhiên giấy vay tiền lại ghi nợ với số tiền 435.000.000đ là do khi làm giấy bà H còn nợ của bà Ng 1.5000.000đ tiền vay khác nên ghi làm tròn là 435.000.000đ. Đến ngày 03/4/2017 bà H đã trả cho bà Ng số tiền 46.000.000đ trả vào tiền gốc.

Tại phiên tòa bà Ng yêu cầu bà H trả số tiền gốc là 388.000.000đ còn nợ và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử nhận định, xét về tính hợp pháp của văn bản nhận nợ ngày 08/3/2017 và văn bản nhận nợ ngày 04/7/2017, các đương sự thừa nhận các chữ viết và chữ ký trong các văn bản trên là của các đương sự ghi và ký tên là có thật, giấy vay tiền ngày 04/7/2017 là do bà H viết và ký tên. Lý do đương sự lập giấy vay tiền là do bà H nợ tiền vay, tiền hụi và tiền lãi của bà Ng. Tại phiên tòa tuy rằng bà Ng trình bày không rõ ràng, không thống nhất các khoản vay do việc cho vay với nhiều khoản khác nhau, thời gian vay đã lâu, từ năm 2012 đến nay nên bà Ng không nhớ chính xác, căn cứ vào biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải thì trình bày của bà Ng về các khoản nợ thì hoàn toàn phù hợp với giấy chốt nợ giữa bà Ng và bà H ghi. Do đó, bà Ng căn cứ theo giấy vay tiền ngày 04/7/2017 mà giữa bà Ng và bà H chốt nợ với nhau để yêu cầu bà H trả số tiền 388.000.000đ là có căn cứ, và bà H thừa nhận có nợ của bà Ng số tiền 202.000.000đ tiền vay, 36.000.000đ tiền lãi và 38.000.000đ tiền nợ hụi, số tiền nợ bà H thừa nhận và cũng phù hợp với lời trình bày của bà Ng về một phần số nợ nên đây thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sư và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Lời diễn giải của bà Ng về giấy vay tiền ở các biên bản ghi lời khai, hòa giải và đối chất thì số tiền nợ phù hợp với nội dung trong giấy vay tiền ngày 04/7/2017, về phía bà H không thừa nhận toàn bộ số tiền nợ như ghi trong giấy vay tiền mà chỉ thừa nhận nợ tiền vay là 202.000.000đ, nợ hụi 38.000.000đ và nợ tiền lãi 36.000.000đ. Tuy nhiên, về mặt nội dung giấy vay tiền đề ngày 4/7/2017 là do bà H tự tay viết và ký tên, nội dung có ghi cụ thể việc bà H còn nợ bà Ng số tiền 435.000.000đ, đã trả được 46.000.000đ, tại phiên tòa bà H cho rằng giấy vay tiền ngày 08/3/2017 là do con bà H là Trần Thị Mỹ Ph viết, bà H có đọc lại nhưng bà không có đọc kỹ mà ký tên, còn giấy vay tiền ngày 04/7/2017 bà viết lại theo giấy ngày 08/3/2017 chứ thực tế bà không có nợ 435.000.000đ như ghi trong giấy. Việc bà H tự tay viết giấy vay tiền ngày 04/7/2017, ghi cụ thể có nợ bà H số tiền 435.000.000đ, trong đó có 202.000.000đ tiền mặt, số còn lại là tiền chơi hụi giùm và tiền hốt hụi trừ vào tiền vay, khi viết giấy bà hoàn toàn đầy đủ khả năng về nhận

thức, bà tự viết và ký tên nên bà hoàn toàn có căn cứ xác định bà biết rõ về nội dung thỏa thuận là nhận nợ và số tiền ghi nhận nợ trong giấy vay tền này, do đó bà H phải chịu trách nhiệm trả cho bà Ng số tiền còn thiếu. Việc bà H cho rằng khi viết giấy bà bị ép buộc nhưng bà không chứng minh được nên không được chấp nhận. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ bà Ng cung cấp và việc thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa thì yêu cầu của bà Ng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp, buộc bà H phải trả cho bà H số tiền còn nợ là 388.000.000đ. Bà Ng không yêu cầu tính lãi.

[3] Tại phiên Tòa, nhận định của Viện kiểm sát về tố tụng và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà H phải chịu án phí 5% đối với số tiền bà Ng yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; Điều 227, khoản1 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính Phủ về hụi, họ, biêu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc bà Lê Thị H trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 388.000.000đ (ba trăm tám mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hàn án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 19.400.000đ (mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 9.943.800 đã nộp theo biên lai thu số 0012235 ngày 14/7/2017.

Đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật để xét xử theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Hớn Quản*
- *Các đương sư;.*
- *THADS huyện Hớn Quản*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đình Học